

Số: 2056/GPMT-SNNMT

Tây Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Môi trường và Biến đổi khí hậu tại Tờ trình số 761/TTr-MTBĐKH ngày 15/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q; địa chỉ trụ sở chính tại số 145, Tỉnh lộ 822, ấp Chánh, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu dân cư đô thị huyện Đức Hòa - Giai đoạn 1, diện tích 207.531,67 m²”; địa điểm tại Ấp Chánh, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu dân cư đô thị huyện Đức Hòa - Giai đoạn 1, diện tích 207.531,67 m² (20,753167ha).

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Chánh, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp: 1100711859; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An (nay là Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh), đăng ký lần đầu ngày 16/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/7/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 2871285733 (số cũ: 50121000347); nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An (nay là Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh), chứng nhận lần đầu ngày 22/01/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 04 ngày 14/10/2024.

1.4. Mã số thuế: 1100711859.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích (theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (Quyết định số 2466/QĐ-STNMT ngày 13/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh)): 207.531,67 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2466/QĐ-STNMT ngày 13/8/2020; được UBND tỉnh Long An (nay là UBND tỉnh Tây Ninh) chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 10199/QĐ-UBND ngày 07/10/2024.

- Quy mô dự án:

+ Số lượng nhà ở: 745 căn.

+ Loại nhà ở: Nhà liên kế 545 căn; biệt thự song lập 200 căn.

- Quy trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng nhà ở → Tiếp nhận người dân vào hoàn thiện, trang trí nhà cửa và sinh sống, làm việc → Duy tu, sửa chữa hạ tầng - kỹ thuật công cộng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

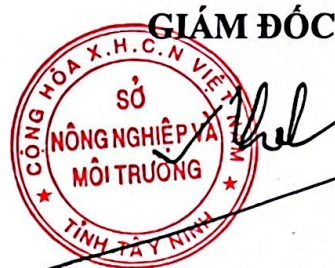
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 15/12/2035).

Giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Môi trường và Biến đổi khí hậu, Phòng Pháp chế - Chính sách tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND xã Hậu Nghĩa;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, MTBĐKH.



Võ Minh Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2056/GPMT-SNNMT ngày 16 /12 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công trình công cộng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh nội đồng thuộc địa bàn xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga giám sát nước thải sau xử lý (bên ngoài tường rào dự án) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (kênh nội đồng).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1214283 và Y= 0566988 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3^o).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400 m³/ngày đêm (24 giờ), tương đương 16,67 m³/giờ (theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 644/GP-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh).

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Tự chảy (nước thải sau xử lý từ Hệ thống xử lý nước thải dẫn bằng đường ống uPVC D168mm với chiều dài khoảng 12m ra hồ ga giám sát nước thải (bên ngoài tường rào dự án) trước khi dẫn vào kênh nội đồng tại xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh.

- Hình thức xả: xả mặt, ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A với K=1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /s	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	pH	-	5 - 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1		
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/L	30		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/L	6		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
12	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (*ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*); các thông số ô nhiễm quan trắc theo QCVN 14:2025/BTNMT cụ thể như sau: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni (tính theo N), tổng Nitơ (T-N), tổng Phốtpho (T-P), sunfua (S²⁻), dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion, tổng coliform.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống nước thải:

- Nước thải từ nhà vệ sinh của các hộ gia đình, từ các công trình công cộng sẽ được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC D90mm đặt trong hộp gen tại từng khu vực phát sinh cùng với nước thải từ các hầm cầu, hố xí sau khi xử lý qua bể tự hoại tại từng công trình. Nước thải sau bể tự hoại sẽ thoát ra hố thu gom nước thải dọc các tuyến đường giao thông bằng đường ống uPVC D114mm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống HDPE đường kính D200 ÷ D300mm, độ dốc

$i=2\%$.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu nướng của các hộ gia đình, các công trình công cộng sẽ được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC D90mm đưa qua song chắn chất thải rắn và đưa về bể tách dầu mỡ nội khu. Nước thải sau đó sẽ thoát ra hồ thu gom nước thải dọc các tuyến đường giao thông bằng đường ống uPVC D114mm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống HDPE đường kính D200 ÷ D300mm, độ dốc $i=2\%$.

- Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm; nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K=1,0$) trước khi dẫn vào kênh nội đồng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Nước thải từ hoạt động nấu nướng → Song chắn rác → Bể tách dầu + Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại) → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí dính bám (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (kênh nội đồng).

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải; trang bị một số thiết bị dự phòng cho các máy móc dễ hư hỏng như máy bơm dự phòng, máy thổi khí, ...

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ, đúng quy định để kịp thời phát hiện sự cố.

- Đảm bảo vận hành công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình.

- Các bể xử lý nước thải được thiết kế với thể tích lớn, trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố; đồng thời dự án bố trí 02 hồ thu gom nước thải (thể tích mỗi hồ thu gom khoảng 150 m³), có van khóa, khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý van khóa sẽ khóa sẽ ngăn không cho nước dẫn về hệ thống xử lý nước thải; nước thải phát sinh được lưu chứa tại các hồ gom này, thời gian lưu chứa tối đa khoảng 2 ngày trong thời gian sửa chữa khắc phục sự cố; Chủ dự án phải cam kết tuyệt đối không xả thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường; đồng thời, hạn chế các hoạt động không cần thiết làm phát sinh nước thải trong quá trình khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 vị trí tại hố ga giám sát nước thải nằm bên ngoài tường rào trước khi dẫn vào kênh nội đồng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các thông số có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của Hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và thu gom, thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định; không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của công trình thủy lợi. Định kỳ tiến hành nạo vét khu vực nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý. Đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, bảo vệ chất lượng nước, bảo vệ chất lượng nguồn nước tưới tiêu và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp nguồn tiếp nhận (công trình thủy lợi kênh nội đồng) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không còn khả năng chịu tải, Chủ dự án phải có phương án xử lý nước thải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng công trình thủy lợi, Chủ dự án phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.6. Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

3.7. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2066 /GPMT-SNNMT ngày 16/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải, công suất 250kVA (*sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh $S=0,05\%$*), khí thải phát sinh thoát qua 01 ống thải được trang bị theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp.

Đối với mùi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, định kỳ sử dụng chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi phát sinh; đồng thời, vị trí bố trí hệ thống xử lý nước thải cách hộ dân gần nhất phải đảm bảo khoảng cách an toàn theo QCVN 01:2021/BXD; bố trí dây cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2056/GPMT-SNNMT ngày 16/12/2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải (công suất 250 KVA).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có toạ độ: $X_1 = 1215687$; $Y_1 = 0557824$.
- Nguồn số 02 có toạ độ: $X_2 = 1215764$; $Y_2 = 0557859$.
- Nguồn số 03 có toạ độ: $X_3 = 1215612$; $Y_3 = 0557554$.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Khu dân cư)

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Khu dân cư)

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và giá trị giới hạn đối với độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn; định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu tiếng ồn.

Thực hiện trồng cây xanh tại dự án đảm bảo đạt tỷ lệ, diện tích cây xanh tối thiểu theo quy hoạch đã được phê duyệt; bố trí dải cây xanh cách ly và đảm bảo khoảng cách an toàn cho các công trình công cộng, dịch vụ, dân cư, công trình dân dụng đảm bảo đạt khoảng cách an toàn tối thiểu theo quy định.

Hệ thống xử lý nước thải tại dự án được bố trí khu vực phía cuối khuôn viên dự án, cách xa khu vực dân cư, đảm bảo quá trình vận hành hệ thống không làm ảnh hưởng tiếng ồn đến hoạt động của Khu dân cư.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn thuộc hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2056/GPMT-SNNMT ngày 16 / 12 /2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	10
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH) (Bóng đèn LED thải)	Rắn	16 01 13	583
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	250
Tổng khối lượng:				848

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu là các loại phế liệu thải từ quá trình hoạt động của các hộ gia đình, các khu vực công cộng. Ngoài ra, còn có bụi từ hoạt động quét đường, lá cây từ hoạt động cắt tỉa, làm đẹp cảnh quan, lá cây rụng tự nhiên,... với khối lượng khoảng 20 kg/ngày; lượng bùn nạo vét từ các hố ga thu gom và thoát nước mưa, nước thải với khối lượng khoảng 50 kg/ngày và bùn từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng khoảng 150 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong dự án, công trình công cộng, khách vãng lai với khối lượng khoảng 4.266 kg/ngày bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...)

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất

thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	41
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	229
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	217
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	317
Tổng cộng				804

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Khu dân cư:

+ Kho/khu vực lưu chứa: Được bố trí cạnh hệ thống xử lý nước thải, có tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có gờ bao chống tràn và rãnh gom chất lỏng đổ tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 20 m².

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các công trình công cộng: Chủ đầu tư các công trình công cộng tự trang bị kho lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định; sau đó ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại do chủ đầu tư các công trình công cộng tự chi trả cho đơn vị thu gom đúng theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp kiểm soát:

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh từ hoạt động của Khu dân cư:

+ Kho/khu vực lưu chứa: Được bố trí cạnh hệ thống xử lý nước thải, có tường xây gạch bao quanh, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 100 m².

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh từ hoạt động của các công trình công cộng: Chủ đầu tư các công trình công cộng tự trang bị kho lưu chứa chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định; sau đó ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát do chủ đầu tư các công trình công cộng tự chi trả cho đơn vị thu gom đúng theo quy định của pháp luật.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với bùn từ bể tự hoại: Bùn phát sinh từ các bể tự hoại tại các hộ dân được các hộ dân hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý, vận chuyển đến nơi xử lý đúng theo quy định. Hút bùn định kỳ 6 tháng/lần đến 1 năm/lần tùy thuộc vào quy mô của từng hộ gia đình.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn có diện tích 25 m², kích thước 5 m×2,5m×2,0m, được bố trí kín cạnh hệ thống xử lý nước thải được Chủ dự án hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn lắng từ các hệ thống thu gom, thoát nước: Bùn lắng từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước định kỳ được Chủ dự án hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Không bố trí khu vực lưu chứa. Dự án bố trí các thùng rác có thể tích 60 lít ÷ 240 lít dọc các tuyến đường, khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng để tập trung rác thải sau đó ký hợp đồng thu gom trực tiếp với đơn vị có chức năng để thu gom và không bố trí khu vực tập trung chất thải sinh hoạt tại dự án.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân: Chủ dự án sẽ bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, chất liệu nhựa HDPE dung tích 60 ÷ 240 lít dọc các tuyến đường, khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng trong dự án. Mỗi hộ dân tự trang bị các thùng chứa rác có dung tích từ 5 ÷ 50 lít tại hộ gia đình để lưu chứa và tập kết ra các thùng chứa rác trên các tuyến đường nội bộ để đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến nơi xử lý với tần suất tối thiểu 01 ngày/lần. Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sẽ do các hộ dân tự chi trả cho đơn vị thu gom rác đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt tại các công trình công cộng: Nhân viên sẽ tự thu gom và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong các thùng chứa rác có nắp đậy, chất liệu nhựa HDPE dung tích 60 ÷ 240 lít do đơn vị tự trang bị, sau đó đội vệ sinh sẽ tiến hành thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý với tần suất tối thiểu 01 ngày/lần. Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sẽ do chủ đầu tư các công trình công cộng tự chi trả cho đơn vị thu gom rác đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với rác thải phát sinh từ sân, đường, vỉa hè, khuôn viên dự án: Chủ dự án sẽ bố trí các thùng chứa rác có dung tích 240 lít dọc các tuyến đường trong dự án. Hằng ngày, đội vệ sinh do Chủ dự án bố trí sẽ thu gom, tập kết về các khu vực tập trung tại

khu vực tập trung chất thải sinh hoạt của dự án có bố trí các thùng chứa rác có dung tích 240lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa chất hóa chất theo QCVN 05A:2020/BCT và sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải: Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống thu gom, thoát nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, thoát nước thải.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Sử dụng các vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn, đồng thời sử dụng các máy móc thiết bị có nguồn gốc xuất xứ uy tín. Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Đồng thời trang bị các bơm dự phòng khi xảy ra sự cố đảm bảo quá trình xử lý liên tục cho hệ thống. Trong trường hợp hệ thống ngưng hoạt động do sự cố bất thường, Chủ dự án sẽ tiến hành sửa chữa ngay, toàn bộ nước thải được dự trữ tại bể điều hòa; không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường; đồng thời, hạn chế các hoạt động không cần thiết làm phát sinh nước thải trong quá trình khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải; thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành đầu nối vào nguồn tiếp nhận (kênh nội đồng); máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải được kiểm tra định kỳ hàng ngày, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất có thể; có nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra ghi chép nhật ký vận hành hệ thống hằng ngày.

6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống, cống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống, cống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống, cống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống, cống dẫn.

7. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ: Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu nhà liên kế, khu biệt thự, công trình công cộng và đặt các đường ống dẫn nước chữa cháy đến từng khu nhà; các trụ nước chữa cháy phải bố trí dọc theo đường giao thông bên ngoài và đường bộ của dự án, khoảng

cách giữa các trụ từ 120m÷150m; trụ nước chữa cháy phải đặt cách tường ít nhất 5m và được bố trí ở ngã ba hay ngã đường nội bộ của dự án; tổng số lượng trụ cứu hỏa của dự án ước tính khoảng 4m³/trụ; thiết kế đường ống cấp nước bên trong đối với các công trình công cộng,...; đường nội bộ trong dự án phải rộng ít nhất 6m để phương tiện cứu hỏa có thể ra vào dễ dàng; tổ chức các đội phòng cháy chữa cháy trong từng khu vực, tổ chức luyện tập thường xuyên và được hướng dẫn sử dụng các phương tiện phòng cháy chữa cháy; thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát các trụ nước và các nguồn nước phục vụ cho công tác chữa cháy; thường xuyên kiểm tra phương tiện chữa cháy tại chỗ; lắp đặt cột thu sét tại các vị trí cao nhất tại các toà nhà; tuyên truyền, nâng cao ý thức PCCC tại các hộ gia đình;...

8. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

9. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới UBND cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

10. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2066/GPMT-SNNMT ngày 16 / 12 / 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2466/QĐ-STNMT ngày 13/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh), hệ thống xử lý nước thải của dự án có công suất thiết kế 600 m³/ngày đêm. Tuy nhiên giai đoạn 1, Chủ dự án đề nghị cấp phép với lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 400 m³/ngày đêm (theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 644/GP-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh).

Khi lưu lượng xả nước thải lớn nhất có sự thay đổi, điều chỉnh (Chủ dự án đề nghị cấp phép theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt với lưu lượng 600 m³/ngày đêm), Chủ dự án phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan. Tuân thủ quy định của pháp luật về khoảng cách an toàn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về khoảng cách an toàn; bố trí diện tích để trồng cây xanh cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải của dự án và diện tích trồng cây xanh trong khuôn viên dự án theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

3. Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

8. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải** để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày**.

9. Chủ dự án phải thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ./.